

NHỮNG BIẾN ĐỔI NHU CẦU CỦA CƯ DÂN VEN ĐÔ TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HOÁ

Lã Thu Thủy

Viện Tâm lý học.

Bài viết trước chúng tôi đã phân tích thực trạng nhu cầu của người dân ven đô trong quá trình đô thị hóa, trong bài viết này chúng tôi đi sâu phân tích những biến đổi trong hệ thống nhu cầu của người dân ven đô. Do giới hạn về thời gian nghiên cứu cho nên việc tìm hiểu sự biến đổi hệ thống nhu cầu của cư dân ven đô không thể tiến hành nghiên cứu bổ dọc (theo trình tự thời gian), mà đề tài tìm hiểu nó theo lát cắt ngang. Trong đề tài này, chúng tôi cố gắng tìm hiểu sự biến đổi trên cơ sở xem xét sự khác biệt ở ba vùng có mức độ đô thị hoá khác nhau:

Yên Mỹ: Quy mô đô thị hoá thấp

Yên Sở: Quy mô đô thị hoá trung bình

Mỹ Đình: Quy mô đô thị hoá cao.

1. Những biến đổi về nhu cầu vật chất

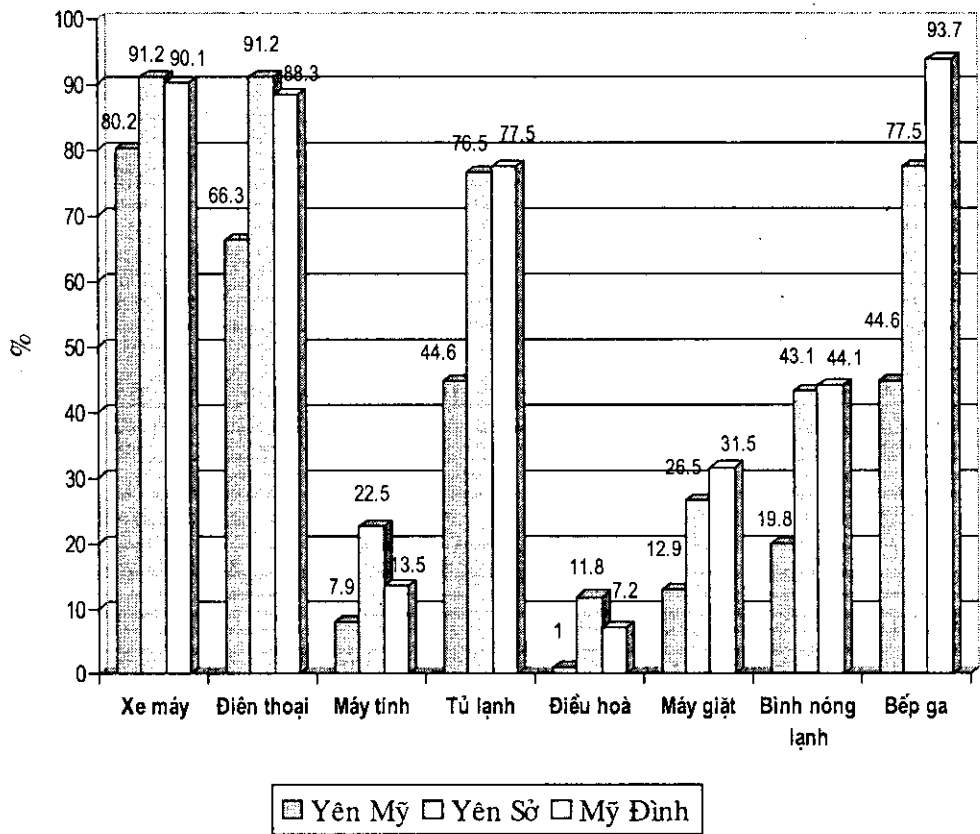
Trước hết cần khẳng định rằng, nhu cầu vật chất của cư dân ven đô có sự biến chuyển cả về số lượng và chất lượng. Sự biến đổi đó được thể hiện bằng những biểu hiện cụ thể dưới đây.

Về mặt số lượng: Hầu hết các vật dụng cần thiết trong gia đình (tivi, tủ lạnh, xe máy, đầu đĩa...) đều hiện diện ở hơn 65% số hộ gia đình được khảo sát. Các vật dụng đó được các gia đình mua trong khoảng 5 năm gần đây (thời gian này trùng với thời gian có các dự án của Nhà nước tại các địa phương Yên Sở và Mỹ Đình). Trong phỏng vấn sâu, một số người cho biết, từ khi được hưởng tiền đền bù, các gia đình đua nhau xây nhà, mua sắm đồ dùng trong gia đình. Nhiều hộ trước đó còn rất nghèo, nhưng khi có khoản tiền đền bù (có gia

định được hưởng hàng mấy tỷ đồng) họ đã đầu tư tiền vào việc xây dựng nhà cửa, mua sắm đồ đạc.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát không tìm thấy sự khác biệt đáng kể giữa ba vùng có mức độ đô thị hoá khác nhau về số lượng vô tuyến và đầu video ($p > 0,05$) (biểu đồ 1). Bởi lẽ, vô tuyến và đầu đĩa thường rất được ưa chuộng đối với người dân nông thôn. Theo một số người dân, những vật dụng trên vừa giúp người dân có thể giải trí, đồng thời nó cũng thể hiện sự hãnh diện của mỗi gia đình đối với những người xung quanh. Trong phỏng vấn sâu, chị C.T.L., 41 tuổi, xã Mỹ Đình đã nói: “mỗi gia đình dù khó khăn đến đâu cũng phải mua một chiếc ti vi. Bây giờ ti vi rẻ lắm, có nó gia đình biết nhiều thông tin và con cái cũng đỡ tủi thân vì phải đi xem nhờ hàng xóm”.

Biểu đồ 1: Những vật dụng hiện có trong gia đình cư dân
3 xã: Yên Mỹ, Yên Sở, Mỹ Đình



Về mặt chất lượng: có sự chuyển dịch từ nhu cầu vật chất đơn thuần sang những nhu cầu vật chất mang nhiều ý nghĩa về mặt tinh thần. Nó thể hiện đời sống của người dân ngày một nâng cao theo xu thế phát triển chung của xã hội. Chúng ta thấy rằng, ngoài những vật dụng thông thường đã xuất hiện những vật dụng tưởng như còn xa xỉ đối với đời sống của bà con ven đô (nơi hầu hết là các gia đình nông dân thuần túy). Sự có mặt của 14,6% số hộ gia đình có dàn máy tính, 23,9% số hộ có máy giặt, 6,7% số hộ có máy điều hoà nhiệt độ, 36,0% số hộ có bình nóng lạnh và đặc biệt có 1,9% số hộ có ô tô đã cho thấy sự chuyển biến về mặt chất lượng nhu cầu vật chất của người dân ven đô.

Như vậy, có thể thấy, nhu cầu vật chất của người dân ven đô đã có sự chuyển biến cả về số lượng và chất lượng. Sự chuyển biến về mặt chất lượng của nhu cầu được thấy rõ hơn ở những địa phương có tốc độ đô thị hoá nhanh hơn. Khi đời sống của người dân càng cao, sự tiếp cận với đô thị hoá càng nhiều thì nhu cầu vật chất mang tính tiện ích, hiện đại càng được nhiều người dân chú ý.

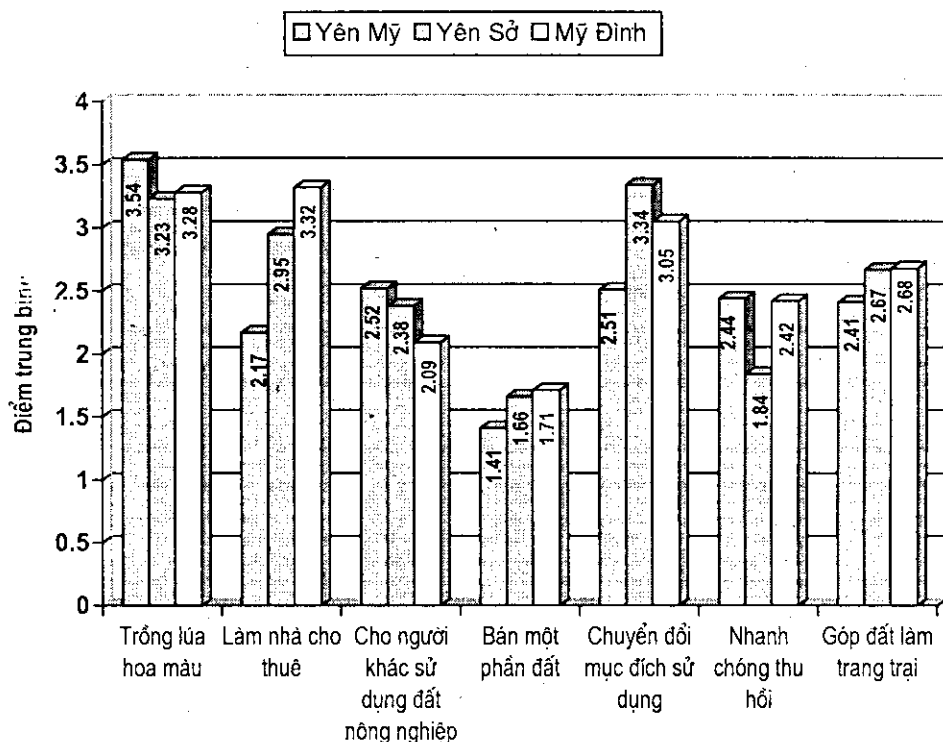
2. Những biến đổi về nhu cầu sử dụng đất đai

Cũng giống như những biến đổi về nhu cầu vật chất, những biến đổi về nhu cầu sử dụng đất đai của người dân ven đô cũng được thể hiện rõ nét ở ba khu vực dân cư có tốc độ đô thị hoá khác nhau.

Xem xét biểu đồ 2 cho thấy:

- Có sự khác biệt về mong muốn sử dụng đất đai vào việc trồng lúa và trồng hoa màu ở các địa phương khác nhau. Tỷ lệ này ở Yên Mỹ là cao nhất (điểm trung bình 3,54), Yên Sở và Mỹ Đình gần ngang nhau (điểm trung bình lần lượt là 3,23 và 3,28). Chúng ta biết rằng, trong 3 địa bàn khảo sát Yên Mỹ là nơi có tỷ lệ người làm nông nghiệp thuần nông cao hơn hai khu vực kia. Do đây là vùng nằm bên ngoài đê sông Hồng, thuộc vùng vành đai bảo vệ hệ thống đê điều, cho nên mọi động thái thay đổi về mục đích sử dụng đất ở nơi đây là rất khó khăn. Điểm đặc trưng nữa, nơi đây đất đai rất màu mỡ do phù sa của sông Hồng bồi đắp, nên rất thích hợp cho việc trồng cây hoa màu có thời gian thu hoạch nhanh. Hàng năm, mùa nước lên là cả xã đều bị ngập, không thể canh tác được. Theo sơ đồ quy hoạch chung của thành phố Hà Nội thì đây là vùng đất không nằm trong diện quy hoạch. Vì vậy, bà con an tâm hơn với việc trồng cây hoa màu.

Biểu đồ 2: Nhu cầu sử dụng đất đai của người dân ven đô tại 3 địa phương: Yên Mỹ, Yên Sở, Mỹ Đình



- Chính vì điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của xã Yên Mỹ như vậy nên trong thời gian dài nữa, việc Nhà nước lấy đất để xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp là khó có thể xảy ra. Từ đó xuất hiện tình trạng so sánh thiệt hơn giữa Yên Mỹ và các vùng có đất thu hồi (cụ thể là Yên Sở). Họ cho rằng, nếu so sánh việc sinh lời từ việc làm ruộng với việc hưởng tiền đền bù thì việc Nhà nước lấy đất và họ được hưởng tiền đền bù thì sẽ có lợi hơn. Tỷ lệ người dân mong muốn được hưởng tiền đền bù từ đất ở Yên Mỹ cao hơn so với Yên Sở và Mỹ Đình (điểm trung bình lần lượt là 2,44; 1,84 và 2,42). Trong phỏng vấn sâu, anh K.X.C., 46 tuổi ở Yên Mỹ cho biết: “Nói chung bây giờ nhiều người cũng chỉ mong Nhà nước thu hồi để được hưởng đền bù, vì hiện tại bây giờ đã có nhiều ruộng bị bỏ hoang. Như nhà tôi cũng có một thửa ruộng không cấy, do đường ra ruộng xa quá cách nhà 2 cây số, con cái thì không làm, tuổi chúng tôi thì bây giờ đi xa không làm được nữa, không ai làm thì bỏ, cũng không thiết. Bây giờ nếu đi làm thuê dấn áo mưa cũng được 20.000đ đến 30.000đ/1 ngày mà lại nhàn hơn làm ruộng, không bị nắng mưa rét mướt. Làm

ruộng kiếm được 20.000đ đến 30.000đ/1 ngày là rất khó. Người khoẻ mới làm được, mà làm ruộng lại theo thời vụ, mùa nước lên thì không làm được. Nếu chỉ trông vào nông nghiệp thì đời chứ không ăn thua gì. Như nhà tôi còn cấy được ít thóc, tính ra chỉ còn thức ăn, vì mình bỏ tiền trước ra mà sau bán cũng được 3.000đ/1kg thóc”. Như vậy đã xuất hiện hiện tượng bỏ đất và không mặn mà với đất ở một bộ phận nhỏ người dân ven đô.

- Sự biến đổi nhu cầu sử dụng đất đai còn được thể hiện một cách khá rõ rệt qua việc so sánh nhu cầu sử dụng đất để xây nhà cho thuê ở ba vùng dân cư khác nhau. Có thể thấy rõ, nhu cầu này được tịnh tiến theo mức độ phát triển của quá trình đô thị hoá. Nó được thể hiện rất rõ rệt ở những người dân Mỹ Đình. Mong muốn và thực tế xây dựng nhà cho thuê ở Mỹ Đình cao hơn đáng kể so với hai khu vực Yên Mỹ và Yên Sở. Có thể lý giải điều đó như sau:

Thứ nhất, Mỹ Đình là nơi có quá trình đô thị hoá cao. Từ những năm 2000 trở lại đây, quy hoạch của thành phố Hà Nội mở rộng về phía Tây, Mỹ Đình trở thành nơi có vị trí địa lý “đắc địa” để xây dựng khu đô thị. Các công trình mới mọc lên, đi kèm với nó là lượng người làm công ở đây khá đông đúc. Nhu cầu về chỗ ở, chỗ sinh hoạt sau những ngày làm việc mệt mỏi của những người công nhân lao động là rất lớn.

Thứ hai, nhiều trường cao đẳng, đại học tập trung xung quanh Mỹ Đình. Vì vậy, việc sinh hoạt và đi lại tại đây rất thuận lợi cho sinh viên nông thôn ra thành phố học và cần thuê những nơi ở phù hợp với túi tiền. Tất cả đất ở, đất vườn ở đây đã trở thành nhà ở, nhà cho thuê. Nếu đến Mỹ Đình chúng ta sẽ nhận thấy sự đổi thay khá mạnh mẽ. Đặc biệt là những thay đổi về mục đích sử dụng đất.

Như vậy, có thể thấy rõ sự biến đổi nhu cầu sử dụng đất đai của người dân ven đô theo xu hướng sau: những nơi có tốc độ đô thị hoá nhanh, mạnh thì nơi đó có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất cao. Không đơn thuần là đất đai sử dụng vào sản xuất nông nghiệp mà sự chuyển đổi đó có thể sang mục đích khác kiếm lợi nhuận nhiều hơn (làm nhà cho thuê, bán đất, xây dựng trang trại hoặc tự kinh doanh trên đất của mình). Ngược lại, những nơi có tốc độ đô thị hoá chậm hơn thì trung thành hơn với mục đích sử dụng đất truyền thống, đó là sử dụng đất đai vào trồng lúa và hoa màu. Một bộ phận người dân không mặn mà với nghề nông.

3. Những biến đổi nhu cầu tinh thần

Việc so sánh cuộc sống hàng ngày của người dân ven đô cho thấy có sự biến chuyển ở một số hình thức sinh hoạt sau:

- Điều đầu tiên dễ nhận thấy nhất đó là sự phát triển các hình thức dịch vụ như: ăn uống, cắt tóc gội đầu, karaoke, internet, game... ở hầu hết các vùng được khảo sát. Từ vùng ven đô có mức độ đô thị hoá thấp (Yên Mỹ) đến những vùng ven đô có mức độ đô thị hoá cao (Mỹ Đình) đều xuất hiện ngày càng nhiều các hình thức sinh hoạt trên. Điều đó cho thấy, xuất phát từ nhu cầu ngày một tăng của người dân mới có những loại hình dịch vụ này. Kết quả khảo sát cho thấy, trên số mẫu chung khảo sát hiện có tới 71,4% số người có sử dụng dịch vụ ăn uống bên ngoài, 55,6% số người được hỏi có sử dụng hình thức cắt tóc gội đầu, 13,8% có sử dụng karaoke (trong khi đó tỷ lệ sử dụng các hình thức dịch vụ này vào trước năm 2000 là: 67,7%; 43,4%; 7,1%).

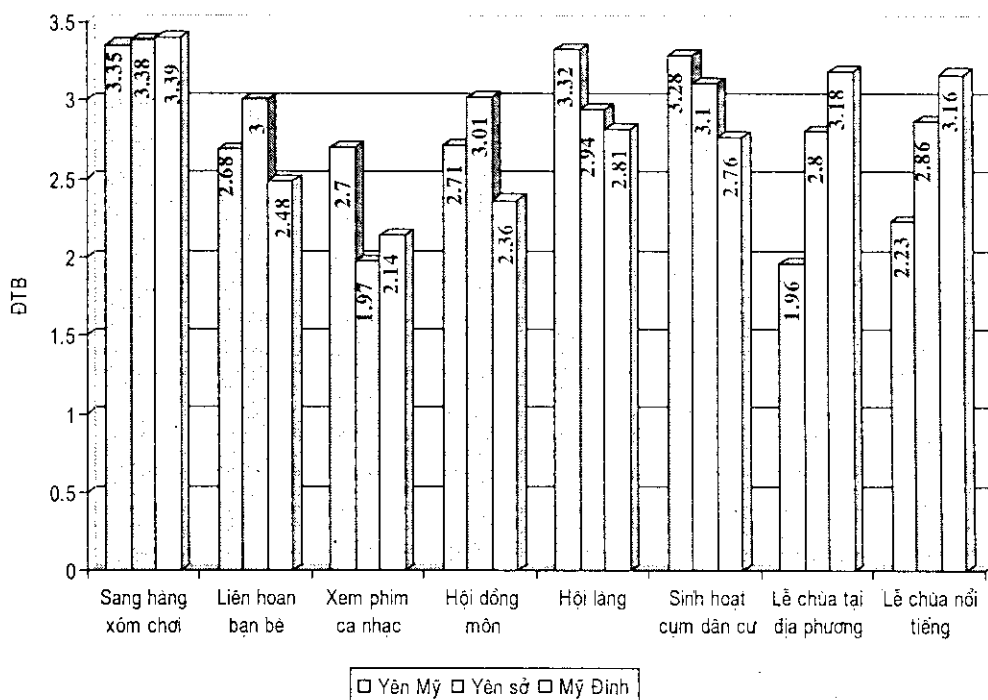
Nếu như dịch vụ ăn uống cắt tóc, gội đầu... mang tính chất kép, vừa là hình thức phục vụ cho nhu cầu vật chất, vừa cho nhu cầu tinh thần thì dịch vụ karaoke, internet là để thoả mãn cho nhu cầu tinh thần của con người. Tính chất tinh thần là ở chỗ, người hưởng dịch vụ được thư giãn, giải trí và thoải mái về mặt tinh thần, có nhiều thời gian hơn dành cho các hoạt động khác. Với ý nghĩa này, thì việc hưởng thụ nhu cầu văn hoá, tinh thần của người dân ven đô hiện nay đã có sự biến đổi rất lớn so với trước kia khi chưa được đô thị hoá.

- Ở các vùng ven đô gần đây xuất hiện một hình thức giải trí mới, mang tính tích cực và hết sức có ý nghĩa đối với sức khỏe con người đó là các hình thức thể thao, rèn luyện sức khỏe. Nó được đông đảo người dân đón nhận. 57,0% số người được hỏi đã sử dụng các hình thức chăm sóc sức khỏe như: đi bộ, chơi cầu lông, bóng đá, tập thể dục, tập dưỡng sinh..., trong khi đó trước năm 2000 chỉ khoảng 22,8% số người chú ý đến nó. Điều này cho thấy đây là một trong những dấu mốc quan trọng để đánh giá mức độ sinh hoạt văn hoá tinh thần của người dân ven đô đã được nâng lên đáng kể.

Bên cạnh sự biến đổi về hình thức sinh hoạt hàng ngày của người dân ven đô, nhu cầu về văn hoá tinh thần ở một số hình thức sinh hoạt khác của người dân ven đô cũng có những biến đổi khá lý thú.

Biểu đồ 3 cho thấy một số nhu cầu sinh hoạt văn hoá tinh thần của người dân ven đô biến đổi theo mức độ tăng dần theo tốc độ tăng trưởng của quá trình đô thị hoá. Nhưng ngược lại, một số nhu cầu tinh thần khác lại giảm đi theo quá trình phát triển của đô thị hoá. Cụ thể là:

Biểu đồ 3: Sự biến đổi nhu cầu tinh thần của người dân ven đô ở 3 xã: Yên Mỹ, Yên Sở, Mỹ Đình



- Những nhu cầu sinh hoạt văn hoá tinh thần liên quan đến đời sống cá nhân, đời sống tâm linh thường được người dân nơi có tốc độ đô thị hoá cao (Mỹ Đình) chú trọng hơn. Sự khác biệt về nhu cầu này được thể hiện khá rõ nét khi so sánh giữa 3 vùng Yên Mỹ, Yên Sở và Mỹ Đình. Nhu cầu được đi lễ chùa (kể cả lễ chùa tại địa phương và lễ chùa ở những nơi xa) của người dân Mỹ Đình cao hơn hẳn so với hai địa phương còn lại ($p < 0,001$).

- Bên cạnh đó, nhu cầu sinh hoạt mang tính cộng đồng của người dân sinh sống ở những vùng ven đô có mức độ đô thị hoá thấp lại tỏ ra chiếm ưu thế hơn những vùng có tốc độ đô thị hoá cao. Tỷ lệ những người thích tham gia các hội đồng môn đồng niên, thích tham gia các cuộc hội làng, thích đi sinh hoạt cụm dân cư ở Yên Mỹ là cao nhất, kế đến là Yên Sở và cuối cùng là Mỹ Đình ($p < 0,05$).

Tóm lại, từ việc phân tích thực trạng hệ thống nhu cầu, những biến đổi hệ thống nhu cầu, các yếu tố tác động đến nhu cầu của người dân ven đô trong quá trình đô thị hoá chúng tôi nhận thấy xu hướng và đặc điểm của sự biến đổi hệ thống nhu cầu như sau:

- Xu hướng thoả mãn nhu cầu được thực hiện trên cơ sở sự nỗ lực cố gắng của bản thân người dân là chủ yếu, bên cạnh đó cũng không thể phủ nhận vai trò của một số tác động bên ngoài được coi là những điều kiện quan trọng để thoả mãn nhu cầu.

- Thoát ly khỏi nghề nông là xu hướng chủ đạo trong suy nghĩ của người dân ven đô nói chung và của lớp trẻ nói riêng. Xu hướng này dựa trên cơ sở những quan niệm mới về sản xuất đang có sự biến đổi. Họ tính toán về giá trị sức lao động sao cho hợp lý. Theo đó, quan hệ thuê mướn nhân công và các công cụ sản xuất cũng phát triển mạnh. Điều đó cho thấy, có sự du nhập cách thức phân công lao động của xã hội đô thị vào trong các hộ gia đình vùng ven đô.

- Nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất ngày càng tăng ở đối tượng có tư duy kinh tế, có học vấn và có đầu óc sản xuất.

- Nhu cầu văn hoá tinh thần ngày càng được gia tăng và mang tính cá nhân ở những cộng đồng sống ở vùng có mức độ đô thị hoá cao. Ngược lại, nhu cầu sinh hoạt tinh thần mang tính tập thể, tính cộng đồng được thể hiện rõ nét ở những nơi có tốc độ đô thị hoá chậm hơn.

- Ngày càng xuất hiện nhiều nhu cầu mới cần được thoả mãn như: nhu cầu rèn luyện và chăm sóc sức khoẻ, nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, nhu cầu đa dạng về việc làm....

- Xu hướng chuyển đổi nghề nghiệp có sự tham gia đông đảo của người dân, đặc biệt là sự chuyển đổi nghề nghiệp vào thị trường tự do. Tập trung vào thị trường này là những người có trình độ học vấn thấp, không được đào tạo chuyên môn. Những người tham gia vào thị trường này thường có những công việc bấp bênh và dễ gặp rủi ro.

- Bên cạnh đó, ngày càng xuất hiện nhiều gia đình không mặn mà với công việc đồng áng. Hiện trạng bỏ đất hoang vì nhiều lý do khác nhau đã và đang diễn ra tại hầu hết các địa phương được khảo sát.

- Xu hướng chuyển sang sử dụng các dịch vụ xã hội không còn là mới lạ đối với các gia đình nông thôn mà vốn trước kia vẫn quen với nếp sống tự mình chăm lo cho đời sống gia đình.